

Số: 321 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 21 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất do Ban QLRPH Bù Đốp quản lý, giao UBND huyện Bù Đốp xét cho 12 hộ gia đình, cá nhân thuê đất lâm nghiệp để trồng cây cao su.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 84/TTr-STNMT ngày 19/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:



1. Điều chỉnh diện tích đất thu hồi:

từ: “Thu hồi 767.478,8 m² (Bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi tám phẩy tám mét vuông) đất lâm nghiệp do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp quản lý, giao UBND huyện Bù Đốp xét cho 12 hộ gia đình, cá nhân thuê đất lâm nghiệp để trồng cây cao su (đã trừ 16.838,5 m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ), cụ thể như sau:”

thành: “Thu hồi 767.516,8 m² (Bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười sáu phẩy tám mét vuông) đất lâm nghiệp do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp quản lý, giao UBND huyện Bù Đốp xét cho 12 hộ gia đình, cá nhân thuê đất lâm nghiệp để trồng cây cao su (đã trừ 16.838,5 m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ), cụ thể như sau:”

2. Điều chỉnh thời hạn thuê đất: **từ:** “27 (hai mươi bảy) năm, kể từ ngày 29/4/2008.” **thành:** “Đến ngày 29/4/2035.”

3. Điều chỉnh, bổ sung nguồn gốc đất:

từ: “thuộc đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp quản lý, UBND tỉnh Bình Phước đã thuận chủ trương cho thuê đất lâm nghiệp tại Công văn số 3093/UBND-SX ngày 07/12/2007. 12 hộ gia đình, cá nhân hợp đồng khoán trồng rừng - trồng cây lâu năm với Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp năm 2008 và đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án cải tạo rừng, thanh lý rừng tự nhiên để trồng cao su tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 29/4/2008.”

thành: “Thuộc đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp quản lý, đã được UBND tỉnh Bình Phước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 391/QĐ-UB ngày 19/3/2003. UBND tỉnh Bình Phước đã thuận chủ trương cho thuê đất lâm nghiệp tại Công văn số 3093/UBND-SX ngày 07/12/2007; 12 hộ gia đình, cá nhân hợp đồng khoán trồng rừng - trồng cây lâu năm với Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp năm 2008 và đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án cải tạo rừng, thanh lý rừng tự nhiên để trồng cao su tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 29/4/2008.”

(Có biểu tổng hợp kèm theo)

*** Lý do điều chỉnh, bổ sung:**

- (i) Do Sở Tài nguyên và Môi trường đánh máy nhầm số diện tích của hộ ông Nguyễn Văn Hậu và ông Trần Đức Nha nên phải điều chỉnh lại diện tích đúng với mảnh trích đo bản đồ địa chính.

- (ii) Theo Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt thời gian thuê đất lâm nghiệp là 01 chu kỳ sản xuất của cây cao su (27 năm) nên điều chỉnh thời hạn thuê đất đến ngày 29/4/2035 cho phù hợp.

- (iii) Các khu đất có nguồn gốc do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp quản lý, đã được UBND tỉnh Bình Phước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 391/QĐ-UB ngày 19/3/2003 nên bổ sung nguồn gốc đất cho đúng.

4. Bổ sung Khoản 1, Khoản 2 vào Điều 2 và điều chỉnh Khoản 1, 2, 3 thành Khoản 3, 4, 5 như sau:

“1. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho Văn phòng Đăng ký đất đai để chỉnh lý theo quy định.

3. 12 hộ gia đình, cá nhân liên hệ UBND huyện Bù Đốp để được hướng dẫn thủ tục cho thuê đất lâm nghiệp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

4. UBND huyện Bù Đốp hướng dẫn, lập thủ tục cho 12 hộ gia đình, cá nhân thuê đất lâm nghiệp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp hiện hành.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.”

* Lý do điều chỉnh, bổ sung: Nguồn gốc đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp quản lý, đã được UBND tỉnh Bình Phước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 391/QĐ-UB ngày 19/3/2003 nên bổ sung trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp cho phù hợp.

Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước không thay đổi. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

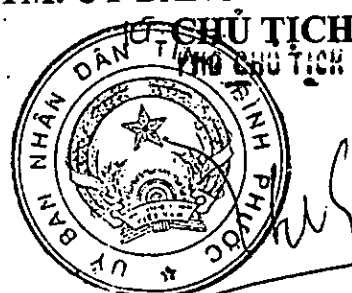
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp, Chủ tịch UBND xã Phước Thiện, Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp, 12 hộ gia đình, cá nhân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐ 37).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Huỳnh Anh Minh

BIỂU TỔNG HỢP HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN XIN THUÊ ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐỂ TRỒNG CAO SU

(Kèm theo Quyết định số 321 /QĐ-UBND ngày 21 /02 /2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: m²

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Số CMND, ngày cấp	Địa chỉ	Tổng diện tích	Trong đó		Địa điểm khu đất	Hợp đồng khoán, ngày ký	Ghi chú
					Thuộc HLBVĐB	Diện tích sử dụng			
1	Nguyễn Văn Hậu	285123488 21/7/2017	TT Lộc Ninh, Lộc Ninh	95.975,0	2.253,8	93.721,2	Khoảnh 5-6 Tiểu khu 67	13/HĐK 27/8/2008	
2	Trần Đức Nha	281029213 27/7/2008	TT Thanh Bình, Bù Đốp	85.799,0	1.594,3	84.204,7	Khoảnh 2-5 Tiểu khu 67	07/HĐK 27/8/2008	
3	Phạm Thị Kim Hoa	285145063 25/8/2003	Tân Thành, Bù Đốp	95.821,1	872,0	94.949,1	Khoảnh 2 Tiểu khu 67	04/HĐK 27/8/2008	
4	Trần Quang Hợp	285040773 12/8/1999	TT Lộc Ninh, Lộc Ninh	93.900,0	1.083,2	92.816,8	Khoảnh 2 Tiểu khu 67	08/HĐK 27/8/2008	
5	Nguyễn Duy Thiết	285019001 26/3/2001	TT Lộc Ninh, Lộc Ninh	95.981,9	2.654,9	93.327,0	Khoảnh 2-5 Tiểu khu 67	12/HĐK 25/8/2008	
6	Lê Đăng Nhật	285083788 18/5/2001	TT Lộc Ninh, Lộc Ninh	95.980,4	2.787,9	93.192,5	Khoảnh 6 Tiểu khu 67	11/HĐK 27/8/2008	
7	Đặng Thế Nhân	285145014 08/10/2017	Thiện Hưng, Bù Đốp	87.599,2	1.486,3	86.112,9	Khoảnh 2-5 Tiểu khu 67	06/HĐK 27/8/2008	
8	Lê Duy Linh	285342431 15/01/2008	TT Thanh Bình, Bù Đốp	19.996,8	489,8	19.507,0	Khoảnh 4 Tiểu khu 64	34/HĐK 25/8/2008	
9	Đặng Thành Công	285065508 05/11/2001	Thủ Dầu Một, Bình Dương	2.985,2	1.046,8	1.938,4	Khoảnh 4 Tiểu khu 64	16/HĐK 25/8/2008	
10	Nguyễn Văn Thành	285208297 02/11/2004	Lộc Hiệp, Lộc Ninh	2.996,6	1.039,1	1.957,5	Khoảnh 4 Tiểu khu 64	18/HĐK 25/8/2008	
11	Lê Cao Hiền	285126276 28/11/2009	Tân Thành, Bù Đốp	13.996,7	0,0	13.996,7	Khoảnh 4 Tiểu khu 64	27/HĐK 25/8/2008	
12	Nguyễn Văn Sáng	285054947 13/9/1999	Tân Phú, Đồng Xoài	93.323,4	1.530,4	91.793,0	Khoảnh 2-5 Tiểu khu 67	01/HĐK 27/8/2008	
TỔNG				784.355,3	16.838,5	767.516,8			